



VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô

Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (0243) 8363242 - 7914876 - Email: vmi@vmi.gov.vn - Web: www.vmi.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (No): V10.CN5.9430.25

Tên phương tiện đo (Object): **Phương tiện đo độ ẩm, nhiệt độ không khí**
(Thermo-Hygrometer)

Kiểu (Type): HL-DS-NT3

Số (Serial No.)/Mã QL (Tag No): 61880350/20660687

Nơi sản xuất (Manufacturer): Rotronic

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(-50 \div 100) ^\circ\text{C}$ / $(0 \div 100) \% \text{RH}$
Độ phân giải (Resolution): $0,01 ^\circ\text{C}$ / $0,01 \% \text{RH}$

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty cổ phần đảm bảo chất lượng AOV

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): VMI-CP 81:2019 & ĐLVN 138:2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Nguồn chuẩn độ ẩm (Humidity Generator) 2500/ Thunder Scientific; Độ ổn định: $\pm 0,065 \% \text{RH}$

Bộ đo nhiệt độ điểm sương (Dew Point Mirror), 373 LHX/ RH System/USA, $U_{95} = 0,08 ^\circ\text{C}$ dp

Nhiệt kế điện trở chuẩn (SPRT) 5681/Hart Scientific/USA; $U_{95} = 0,002 ^\circ\text{C}$

Cầu đo điện trở (High Precision Bridge) 1590/Hart Scientific/USA; $U_{95} = 6 \text{ ppm}$

Bình điều nhiệt (Baths) 7381/HETO; Độ ổn định: $\pm 0,005 ^\circ\text{C}$

Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI

(Standards are traceable to the International System of units SI)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau (The result of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31-08-26

Hà Nội, Ngày 21 tháng 08 năm 2025
(Date of Issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Đỗ Văn Hồng



VILAS 072

VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Anh Sơn

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): V10.CN5.9430.25

Giá trị chuẩn <i>(Standard Value)</i>	Giá trị chỉ thị <i>(Indicated Value)</i>	Số hiệu chỉnh <i>(Corrected Value)</i>	Độ KĐB đo <i>($k=2$; $P=95\%CL$)</i> <i>(Measurement uncertainty)</i>
Độ ẩm (%RH)			
20,00	19,93	+0,07	0,80
30,00	30,23	-0,23	
40,00	40,42	-0,42	
50,00	50,47	-0,47	
60,00	60,45	-0,45	
70,00	70,57	-0,57	
80,00	80,65	-0,65	
90,00	90,66	-0,66	
Nhiệt độ (°C)			
2,00	1,95	+0,05	0,10
10,00	9,99	+0,01	
20,00	20,01	-0,01	
25,00	24,97	+0,03	
30,00	29,98	+0,02	
35,00	35,00	0,00	
40,00	40,00	0,00	
45,00	45,03	-0,03	

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):
 - Nhiệt độ (Ambient temperature): $(23 \pm 2) ^\circ C$
 - Độ ẩm (Relative humidity): $(50 \pm 10) \%RH$

Người hiệu chuẩn
(Calibration by)



Nguyễn Văn Hoan

